

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty năm 2016 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Tổng giá trị tài sản	280.749	291.870
Doanh thu thuần	81.980	103.767
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.409	10.310
Lợi nhuận khác	(193)	(1.344)
Lợi nhuận trước thuế	8.216	8.967
Lợi nhuận sau thuế	6.550	7.173
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,69%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2016 - 31/12/2016, BCTC kiểm toán năm 2017)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2016 - 2017

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,15	1,92
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,78	1,92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,72	34,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,64	53,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Lần	3,75	2,14
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	Lần	0,30	0,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,99	6,91%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	3,53	1,89%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,38	1,25%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,26	0,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2016 - 31/12/2016, BCTC kiểm toán năm 2017)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- ↓ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.233.269 cổ phần.
- ↓ Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 564.300 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 23/05/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông Nhà nước	01	17.233.069	94,51%
2	Cổ đông trong nước			
2.1	Tổ chức			
2.2	Cá nhân	302	1.000.200	5,49%
3	Cổ đông nước ngoài			
3.1	Tổ chức	0	0	
3.2	Cá nhân	0		
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	
Tổng Cộng		313	18.233.269	100%

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 23/05/2017)

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 23/05/2017

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
	UBND tỉnh Quảng Trị	Số 45 – Hùng Vương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	17.233.069	94.51%
Tổng cộng				

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 23/05/2017)

Bảng số 10: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Đào Bá Hiếu	190349029	KP2, Phường 2, TX Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	9.300	0,051%
2	Lê Văn Tư	197024551	xã Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị	9.100	0,050%
3	Trần Văn Hợp	191118187	Phường Đông Lương, Tp Đông Hà, Quảng Trị	7.100	0,039%
4	Lê Thành Ty	197212409	Phường 1, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.700	0,037%
5	Nguyễn Hoạt	190917158	Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.900	0,038%
Tổng Cộng				39.100	0,214%

Theo quy định Luật Doanh nghiệp, hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (từ ngày 31/03/2016 đến 31/03/2019).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là 182.332.690.000 đồng và không tiến hành tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không.

e) Các chứng khoán khác:

Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Sản phẩm chính của đơn vị là sản xuất nước sạch. Nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm là nước và các hóa chất xử lý nước. Nguồn nước được khai thác từ nguồn nước mặt của các sông trên địa bàn và mặt nước ngầm.

Tổng lượng nguyên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm gồm:

TT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Clo lỏng	Kg	18.288
2	Bột PAC	Kg	62.092
3	Vôi bột	Kg	74.240

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Vật liệu sản xuất nước là các hóa chất chỉ được sử dụng 1 lần. không có vật liệu tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Đối với hoạt động sản xuất nước, năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện năng phục vụ sản xuất nước. Trong năm 2017, điện năng tiêu thụ như sau:

- Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 6.807.960 Kw

- Điện năng tiêu thụ gián tiếp: 95.703 Kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Ngành sản xuất nước là một ngành đặc thù, sử dụng điện năng tiêu thụ lớn. Tiết kiệm chi phí điện năng để nâng cao hiệu quả SXKD là mục tiêu hàng đầu được Ban lãnh đạo đề ra trong kế hoạch SXKD hàng năm. Trong năm 2017, mức tiêu thụ điện năng tăng nhẹ so với kế hoạch đề ra là 0,004 Kw/m³.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Một số giải pháp nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

- Lắp đặt các tụ bù công suất phản kháng nhằm giảm tổn hao công suất của máy dẫn đến tiêu hao điện năng.

- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị. Thay thế các máy bơm nước thể hệ cũ có mức tiêu hao năng lượng lớn.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước cung cấp cho Công ty chủ yếu bằng hai nguồn chính: Nguồn nước mặt từ các dòng sông và nước ngầm từ các giếng khoan.

+ Lượng nước cung cấp trong năm: 15.391.933 m³

+ Lượng nước tiêu thụ qua đồng hồ khách hàng: 11.572.882 m³

+ Tỷ lệ thất thoát nước: Xấp xỉ 33%

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty hoạt động chủ yếu là cung cấp nước sạch cho khách hàng sử dụng. Do vậy, không có nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- ± Số lượng lao động: 270 người.
- ± Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2014	2015	2016	2017
Lao động bình quân (người)	314	294	276	270
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.800.000	8.000.000	8.700.000	9.500.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột suất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Công ty đảm bảo cho trên 270 lao động đủ việc làm và mức thu nhập ở mức cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Thực hiện chế độ ăn ca cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức tập huấn hàng năm về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ phép. Vận động đoàn viên công đoàn quyền góp, hỗ trợ cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng định kỳ. Tặng quà cho con CB CNV đạt thành tích trong học tập, các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Tổ chức đào tạo tại chỗ hoặc cử CB CNV đi đào tạo tại các trung tâm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB CNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- ± Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Đào tạo, kiểm tra tay nghề và nâng bậc thợ trong thời gian 2 ngày cho 107 người lao động.
- Cử cán bộ, người lao động tham dự khóa tập huấn an toàn vệ sinh lao động trong thời gian 02 ngày cho 151 người lao động.
- ± Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 - 2017

Chỉ tiêu	01/04/2016- 31/12/2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.980	103.767
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.980	103.767
Giá vốn hàng bán	56.740	71.238
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.240	32.529
Doanh thu hoạt động tài chính	1.741	2.411
Chi phí tài chính	2.621	4.493
Chi phí bán hàng	7.446	10.554
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.505	9.583
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.409	10.310
Thu nhập khác	735	215
Chi phí khác	929	1.558
Lợi nhuận khác	(193)	(1.344)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.216	8.967
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.666	1.793
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.550	7.173

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2016 - 31/12/2016, BCTC kiểm toán năm 2017)

Đánh giá của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 được hiển thị số liệu tại bảng trên. Tình hình tài chính năm sau có mức tăng so với năm trước. Tuy nhiên, về điều kiện khó khăn chung của kinh tế cả nước. Tình hình sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt theo kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 13: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

TÀI SẢN	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	93.191	111.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	54.244	51.496
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.360	26.473
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.226	16.406
IV. Hàng tồn kho	16.361	16.866
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	7
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	187.558	180.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	185.103	176.918
1. TSCĐ hữu hình	185.103	176.918
2. TSCĐ vô hình	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.590	3.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	864	483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280.749	291.870

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2016 - 31/12/2016, BCTC kiểm toán năm 2017)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 14: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2016 - 2017

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2016 (triệu đồng)	31/12/2017 (triệu đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	91.866	101.374
I. Nợ ngắn hạn	43.282	58.051
1. Vay và nợ ngắn hạn	5.546	5.546
2. Phải trả cho người bán	5.302	5.156
3. Người mua trả tiền trước	4.018	7.044
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.789	2.119
5. Phải trả người lao động	15.968	13.232
6. Chi phí phải trả	1.585	1.455
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.866	22.291

8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.207	1.207
II. Nợ dài hạn	48.584	43.324
1. Phải trả dài hạn khác	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	47.140	41.595
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.444	1.729

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2016 - 31/12/2016, BCTC kiểm toán năm 2017)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Rà soát lại các Nội qui, Qui chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD phức tạp. Xem xét xây dựng mô hình công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Đề ra các biện pháp thi công hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động SXKD, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Giai đoạn 2016 – 2020, ngoài việc tiếp tục thực hiện công tác đầu tư phát triển SXKD bằng nguồn vốn khấu hao để lại và nguồn vốn sửa chữa, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đầu tư nhằm cấp nước bổ sung cho các nhà máy đang thiếu hụt nguồn nước, Công ty đang lên kế hoạch xin chủ trương của UBND tỉnh cho lập nhận diện dự án (FS) 3 khu vực: Đông Hà, Quảng Trị, Khe Sanh từ nguồn vốn của Công ty để kêu gọi đầu tư từ các nguồn vốn bên ngoài, cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Lương thành phố Đông Hà từ nguồn sông Vĩnh Phước 15.000 m³/ngày-đêm lên 20.000 m³/ngày-đêm, cải tạo mạng lưới đường ống cấp nước nhằm ổn định, nâng cao năng lực cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát (phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát từ 25% xuống dưới 20%).
- Nghiên cứu lập dự án bổ sung cấp nước cho Hồ Xá từ thị trấn Bến Quan, khai thác nước mặt sông Sa Lung hoặc Hồ Bảo Đài.
- Hoàn thành và phát huy hiệu quả dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh và dự án Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng do Chính phủ Italia hỗ trợ thiết bị, vật tư ngành nước và vốn đối ứng.
- Tính toán cụ thể các phương án, phương pháp thực hiện và hiệu quả đầu tư từ dự án Phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, định hướng bổ sung nguồn nước cho Nhà máy Đông Hà từ nguồn nước mặt sông Hiếu khi đập ngăn mặn trên sông Hiếu được triển khai xây dựng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép, góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhìn chung, người lao động trong công ty có trình độ chuyên môn, năng lực công tác; có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Đội ngũ cán bộ trẻ đông, được đào tạo cơ bản, đầy nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn;

Cơ cấu lao động ở một số bộ phận hiện nay chưa tinh gọn; lao động gián tiếp khá cao, một số vị trí chưa đáp ứng yêu cầu công việc được giao hoặc có trình độ chuyên môn không phù hợp với công việc đảm nhận;

Trình độ tay nghề của người lao động chưa gắn với thực tế sản xuất, nhất là đối với số có bậc thợ cao.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc: tham gia ủng hộ biển đảo, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, trao các quỹ học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn,.. Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã và đang triển khai Dự án Cung cấp các dịch vụ vệ sinh cấp cộng đồng cho dân nghèo đô thị do Tổ chức Định cư con người của Liên Hợp Quốc (UN-HABITAT) tài trợ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2017, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Tuy nhiên, có một số mặt vẫn chưa hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

➤ Những việc đã làm được:

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

➤ Những hạn chế cần khắc phục:

Cần làm tốt hơn công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý.

Việc hướng dẫn quán triệt thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quy chế nội bộ chưa sâu, rộng nên một số cá nhân trong đội ngũ cán bộ quản lý chưa nghiêm túc thực hiện.

- HĐQT đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình tác nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và mô hình hoạt động của công ty cổ phần bước đầu giúp công tác điều hành SXKD đang từng bước đi vào hệ thống. Tuy nhiên một số quy chế, quy định do công tác rà soát, cập nhật kéo dài chậm ban hành,

- Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa kịp thời thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2017 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Công ty cần có các định hướng, kế hoạch hoạt động cụ thể đồng thời phải chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế. Với mục tiêu tập trung phát triển SXKD, phấn đấu giữ vững tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 5-8%, thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo hài hòa lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Trước bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của công ty năm 2018 và giao công ty xây dựng kế hoạch cụ thể để trình Đại hội cổ đông như sau:

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của công ty tiếp tục ổn định và phát triển, Cụ thể:

+ Tổng giá trị thực hiện: 130,586 tỷ đồng

Trong đó: - Giá trị nước máy: 101,283 tỷ đồng

- XDCB-LDCN khác: 29,303 tỷ đồng (Trong đó đấu thầu bên ngoài 10 tỷ đồng).

+ Nước máy hàng hoá: 12.180.000 m³

+ Đơn giá nước máy bình quân: 7.920 đ/m³

+ Điện năng tiêu thụ bình quân: ≤ 0,54kw/m³

+ Tỷ lệ thất thoát bình quân: ≤ 21%

+ Thay thế đồng hồ KH đến hạn: 120.000 cái

2. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành, đảm bảo hoạt động công ty phát triển, hiệu quả;

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát các nghị quyết, quy chế của HĐQT

4. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ

5. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 15: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Lê Văn Tư	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Trần Văn Hợp	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Lê Thành Ty	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT điều hành

↓ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	: ĐÀO BÁ HIẾU
Số CMND	: 190349029 Ngày cấp: 05/5/2015 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 11/07/1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hải Thượng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	: 053 3 852.398
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, ngành kế toán
Quá trình công tác	
Từ 11/1985 đến 09/1990	: Cán bộ Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt - Lào trực thuộc tỉnh Quảng Trị
Từ 01/1991 đến 05/1995	: Phó giám đốc, phụ trách Xí nghiệp Liên doanh lâm nghiệp 19/5 trực thuộc Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt - Lào
Từ 06/1995 đến 07/1996	: Công ty giải thể bản thân đ/c nghỉ chờ chuyển công tác
Từ 08/1996 đến 11/2000	: Nhân viên Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 12/2000 đến 08/2001	: Phó giám đốc Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công

<i>ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>	
Từ 9/2001 đến 04/2003	: Quyền giám đốc xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 5/2003 đến 11/2007	: Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị
Từ 12/2007 đến 07/2013	: Phó giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị
Từ 8/2013 đến 03/2016	: Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị
Từ 04/2016 đến nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.300 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước (UBND tỉnh Quảng Trị): 8.788.865 cổ phiếu, chiếm 48,16% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: 00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên : **LÊ VĂN TƯ**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên : **TRẦN VĂN HỢT**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên : **LÊ THÀNH TỰ**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên	: NGUYỄN HOẠT
Số CMND	: 190917158 Ngày cấp: 24/8/2007 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 02/5/1965
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hải Lệ, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 4, Phường 5, TP.Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Khu phố 4, Phường 5, TP.Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	: 053 3 852.398
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, ngành quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 12/1985 đến 09/1991	: Công nhân cơ khí Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 10/1991 đến 07/2000	: Tổ trưởng tổ cơ khí Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 8/2000 đến 07/2001	: Phụ trách phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 8/2001 đến 01/2006	: Quyền trưởng phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 02/2006 đến 10/2007	: Trưởng phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 11/2007 đến 05/2009	: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Gio Linh thuộc Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị
Từ 06/2009 đến 05/2013	: Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà thuộc Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị
Từ 06/2013 đến tháng 03/2016	: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị, Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà.
Từ 04/2016 đến nay	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị, Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.900 cổ phiếu – chiếm 0,04% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước (UBND tỉnh Quảng Trị): 1.378.646 cổ phiếu – Chiếm 7,55% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao và hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng. HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị đã có quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên nhằm xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cá nhân trong HĐQT

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ, các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện trong toàn công ty. Năm 2017, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của các phòng ban có liên quan

- Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định

- Ban hành các quy chế khoán, các quy định phù hợp với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

- Phối hợp tốt với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị hoạt động có sự phân công nhiệm vụ cụ thể và phối kết hợp trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Vậy, không có sự độc lập trong Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Đào Báo Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Tư	Thành viên HĐQT, Giám đốc
3	Trần Văn Hợi	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
4	Lê Thành Ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 16: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Tiểu Mai	Trưởng ban kiểm soát
2	Lê Việt Hùng	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên Ban Kiểm soát

↳ Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	: NGUYỄN THỊ TIỂU MAI
Số CMND	: 191057260 Ngày cấp: 24/4/2005 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 14/12/1963
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Ba Đồn, Quảng Trạch – Tỉnh Quảng Bình
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 2 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Khu phố 2 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng

	Trị
Điện thoại	: 053 3 852.398
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, ngành kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1982 đến 1984	: Công nhân Xí nghiệp dệt Phú Xuân- Huế- Tỉnh Bình Trị Thiên
Từ 1984 đến 1987	: Học viên trường Trung học kinh tế Bình Trị Thiên
1987 đến 1990	: Kế toán Xí nghiệp Dệt thảm len Bình Trị Thiên
1990 đến 1994	: Kế toán Xí nghiệp vật liệu xây dựng Quảng Trị
Từ 1994 đến 01/2006	: Kế toán Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 02/2006 đến 04/2011	: Phó Trưởng Phòng tài chính kế toán, kế toán tổng hợp Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 05/2011 đến 03/2016	: Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 01/4/2016 đến nay	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: 00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Họ và tên	: LÊ VIỆT HÙNG
Số CMND	: 197110723 Ngày cấp: 28/3/2006 tại: Công an

	Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 05/01/1966
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hải Thiện, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 7, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Số nhà 38 Khu phố 7, Phường 1, TP Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	: 053 3 852.398
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ 03/1994 đến 5/1995	: Nhân viên quản lý đồng hồ Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 06/1995 đến 12/1998	: Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 12/1998 đến 8/2001	: Phụ trách kế toán thu ngân Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị
Từ 09/2001 đến 7/2009	: Quyền Trưởng Phòng thu ngân Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 08/2009 đến 7/2011	: Phó giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Đông Hà- thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 07/2011 đến 05/2015	: Phó phòng Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và Dịch vụ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 05/2015 đến 03/2016	: Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị
Từ 04/2016 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị - Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phiếu - chiếm 0,03% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng lương và thù lao theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Họ và tên	:	NGUYỄN ĐĂNG TÚ
Số CMND	:	197070354 Cấp ngày 28/10/2004 tại: Công an Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/10/1981
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	053 3 852.398
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
Từ 2005 đến 04/2008	:	<i>Nhân viên kế toán Ban QLDA – Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
Từ 04/2008 đến 05/2012	:	<i>Kế toán xí nghiệp cấp nước Bến Quan, Trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
Từ 06/2012 đến 03/2016	:	<i>Kế toán Ban QLDA đầu tư phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, Thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
Từ 04/2016 đến nay	:	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	<i>Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị</i>

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	2.900 Cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	00 Cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Giám sát việc thực hiện các Quy chế của HĐQT và các Quyết định của Ban giám đốc trong năm 2017.

Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 17: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGD)	Tổng thu nhập	Ghi chú
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	431.345.442		431.345.442	
2	Lê Văn Tư	TV HĐQT, Giám đốc	375.235.466		375.235.466	
3	Trần Văn Hợi	TV HĐQT, P. Giám đốc	359.454.535		359.454.535	
4	Lê Thành Ty	TV HĐQT, P. Giám đốc	359.454.535		359.454.535	
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên HĐQT	132.928.244	27.171.250	160.099.494	

6	Nguyễn T. Tiểu Mai	Trưởng Ban KS	337.410.021		337.410.021
7	Lê Việt Hùng	TV Ban KS	132.721.440	27.171.250	159.892.690
8	Nguyễn Đăng Tú	TV Ban KS	118.552.371	27.171.250	145.723.621
9	Hồ Thị Kim Liên	Thư ký HĐQT	140.750.672	27.171.250	167.921.922

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://qtwaco.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**



Đào Bá Hiếu